TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 581/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhung
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 479/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1904/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1989, quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 5B/A Khu phố M, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông Gamboa David A, sinh năm 1963, quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: CA 92530, USA.

(Các đương sự đều có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/10/2017 và Bản tự khai ngày 15/11/2017, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:

Bà và ông Gamboa David A kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 19/6/2013 vào sổ đăng ký kết hôn số 1697 quyển số 09 ngày 21/6/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông Gamboa David A có liên lạc với nhau nhưng thời gian sau từ năm 2015 đến nay không còn liên lạc với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích

hôn nhân không đạt được, mỗi người mỗi nơi nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Gamboa David A.

Về con chung: Bà khai bà và ông Gamboa David A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai bà và ông Gamboa David A không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Đơn trình bày ý kiến ngày 16/02/2018, đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2018, bị đơn là ông Gamboa David A trình bày:

Ngày 19/6/2013, ông đã đăng ký kết hôn với bà Nguyễn Thị Minh H. Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh H.

Về con chung: Ông khai ông và bà Nguyễn Thị Minh H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông khai ông và bà Nguyễn Thị Minh H không có tài sản chung và không có nợ chung.

Ông xin được vắng mặt trong các buổi triệu tập của Tòa án như hòa giải, xét xử.

Ông ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh H được nhận bản án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Minh H và ông Gamboa David A đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Vào ngày 10/10/2017, bà Nguyễn Thị Minh H có Đơn khởi kiện về việc ly hôn, yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Gamboa David A. Do ông Gamboa David A đang cư trú tại nước ngoài, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Khoản 3 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà Nguyễn Thị Minh H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời bị đơn là ông Gamboa David A cũng xin được vắng mặt trong các buổi triệu tập của Tòa án như hòa giải, xét xử theo Đơn trình bày ý kiến ngày 16/02/2018, đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2018, nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 207;

Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điểm a Khoản 1 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Gamboa David A có quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp và thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các chứng cứ mà Tòa án thu thập được từ Bản tự khai ngày 15/11/2017 của bà Nguyễn Thị Minh H và Đơn trình bày ý kiến ngày 16/02/2018 của ông Gamboa David A, đã được Đại sứ quán nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 22/3/2018, hai bên thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn nên có cơ sở xác định rằng mục đích của hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Gamboa David A đã không đạt được. Do đó Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Gamboa David A.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Gamboa David A đều khai không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Gamboa David A đều khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Minh H là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điểm a Khoản 2 Điều 478 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Minh H như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Gamboa David A thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Minh H và ông Gamboa David A chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn ký ngày 19/6/2013 vào sổ đăng ký kết hôn số 1697 quyển số 09 ngày 21/6/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Gamboa David A đều khai không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Gamboa David A đều khai không có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Minh H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0047974 ngày 20/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Minh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Minh H vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với bà Nguyễn Thị Minh H là 15 ngày, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Minh H được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Gamboa David A vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng do ông Gamboa David A có ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh H nhận bản án thay ông Gamboa David A nên quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với ông Gamboa David A là 01 tháng, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Minh H được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Mỹ Hạnh